TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 16/2020/HNGĐ-ST Ngày: 11 - 3 - 2020 V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Minh Út.

Ông Trần Quốc Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 11 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2020/TLST-HNGĐ, ngày 30 tháng 01 năm 2020, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1974 (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thuận T1, sinh năm 1962 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/01/2020 và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T trình bày:

Về hôn nhân, vào năm 1997 bà (Nguyễn Thị T) và ông Nguyễn Thuận T1 xác lập quan hệ vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không ai nhường nhịn cho ai. Vợ chồng thường xuyên cự cải, ông T1 thường hay ghen nên đã xua đuổi bà. Bà và ông T1 không còn sống chung từ tháng 02/2020 cho đến nay. Xét thấy cuộc sống hôn nhân không mang

lại hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, tình cảm dành cho ông T1 không còn nên bà cương quyết yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Thuận T1. Về con chung có 03 người tên là Nguyễn Thị Yến P (giới tính nữ), sinh ngày 22/02/1998; Nguyễn Thị Phương D (giới tính nữ), sinh ngày 22/02/2002 và Nguyễn Thành Huy T (giới tính nam), sinh ngày 19/4/2006. Hiện Nguyễn Thị Yến P và Nguyễn Thị Phương D đều đã trưởng thành tự lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu giải quyết (Quá trình khởi kiện thì Nguyễn Thị Phương D chưa đủ 18 tuổi, đến ngày xét xử thì Nguyễn Thị Phương D đã đủ 18 tuổi). Đối với Nguyễn Thành Huy T đang do bà nuôi dưỡng, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu ông Nguyễn Thuận T1 cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn là ông Nguyễn Thuận T1 trình bày:

Về thời gian xác lập quan hệ vợ chồng, việc không có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền và thời gian không còn sống chung đúng như bà Nguyễn Thị T đã khai. Về mâu thuẫn thì không hoàn toàn đúng, ông không có ghen tuông, do trong lúc giận nên ông có xua đuổi bà T, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn và thường xuyên cự cải với nhau. Khi ông xua đuổi bà T thì bà T về nhà cha mẹ ruột sinh sống, thời gian đó ông không có đến gặp bà T nói chuyện cũng như khuyên răng bà T để về nhà cùng sinh sống. Nay bà Nguyễn Thị T yêu cầu ly hôn với ông, ông không đồng ý ly hôn bà Nguyễn Thị T vì hiện ông vẫn còn tình thương dành cho bà T, ông muốn hàn gắn hạnh phúc lại với bà T. Về con chung có 03 người tên là Nguyễn Thị Phương D; Nguyễn Thị Yến P và Nguyễn Thành Huy T đúng như bà T đã trình bày. Hiện Nguyễn Thị Yến P đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết. Ông không đồng ý giao con chung cho bà T nuôi dưỡng. Ông yêu cầu được nuôi dưỡng cả 02 người con chung chưa thành niên, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị T yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông Nguyễn Thuận T1 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Nguyễn Thuận T1 vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Thuận T1.

[2]. Xét về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Thuận T1 chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1997 đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Bà T cho rằng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống,

không ai nhường nhịn cho ai. Vợ chồng thường xuyên cự cải, ông T1 thường hay ghen nên đã xua đuổi bà. Bà và ông T1 không còn sống chung từ tháng 02/2020 cho đến nay. Xét thấy cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, tình cảm dành cho ông T1 không còn nên bà cương quyết yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Thuận T1. Ông T1 thì cho rằng mâu thuẫn không hoàn toàn đúng, ông không có ghen tuông, do trong lúc giận nên ông có xua đuổi bà T, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn và thường xuyên cự cải với nhau. Khi ông xua đuổi bà T thì bà T về nhà cha mẹ ruột sinh sống, thời gian đó ông không có đến gặp bà T nói chuyện cũng như khuyên răng bà T để về nhà cùng sinh sống. Nay bà Nguyễn Thị T yêu cầu ly hôn với ông, ông không đồng ý ly hôn bà Nguyễn Thị T vì hiện ông vẫn còn tình thương dành cho bà T, ông muốn hàn gắn hạnh phúc lại với bà T. Do hôn nhân giữa Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Thuận T1 vi phạm quy định về đăng ký kết hôn. Căn cứ vào các điều 9, 14 và 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, hôn nhân giữa Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Thuận T1 không được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Thuận T1 không được công nhận là vợ chồng.

[3]. Về con chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Thuận T1 thống nhất xác định ông bà có 03 người con chung tên là Nguyễn Thị Yến P (giới tính nữ), sinh ngày 22/02/1998; Nguyễn Thị Phương D (giới tính nữ), sinh ngày 22/02/2002 và Nguyễn Thành Huy T (giới tính nam), sinh ngày 19/4/2006. Bà T xác định hiện Nguyễn Thị Yến P, Nguyễn Thị Phương D đều đã trưởng thành tự lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu giải quyết. Đối với Nguyễn Thành Huy T đang do bà T nuôi dưỡng, bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu ông Nguyễn Thuận T1 cấp dưỡng nuôi con. Ông T1 không đồng ý giao con chung cho bà T nuôi dưỡng mà yêu cầu được nuôi dưỡng cả 02 người con chung chưa thành niên, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, 02 người con chung có ý kiến bằng văn bản là mong muốn được chung sống cùng với bà T, hiện Nguyễn Thị Phương D đã đủ 18 tuổi và có khả năng tự lao động sinh sống. Do đó căn cứ khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình tiếp tục giao Nguyễn Thành Huy T cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị T về việc không yêu cầu ông Nguyễn Thuận T1 cấp dưỡng nuôi con. Ông Nguyễn Thuận T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Thuận T1 thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Thuận T1 thống nhất xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bà Nguyễn Thị T phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng các điều 9, 14, 53, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Thuận T1 là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị T chịu trách nhiệm nuôi dưỡng Nguyễn Thành Huy T (giới tính nam), sinh ngày 19/4/2006 cho đến khi Nguyễn Thành Huy T đã thành niên và có khả năng tự lao động sinh sống.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị T về việc không yêu cầu ông Nguyễn Thuận T1 cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Thuận T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Thuận T1 thống nhất tự thỏa thuận nên không đặt ra xử lý.

4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Thuận T1 thống nhất xác định không có nên không đặt ra xử lý.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Bà Nguyễn Thị T đã nộp xong tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019796 ngày 30 tháng 01 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, nay chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND H.Phú Tân;
- Phòng KT-NV & THA (Tòa án tỉnh);
- Chi cục THADS H.Phú Tân
(khi án có hiệu lực);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thành Phước